**ĐĂNG KÍ GIẢNG DẠY TUẦN 16 lớp 3 A *(Từ 23/12– 27/ 12/2024)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thứ ngày*** | ***Buổi*** | ***Tiết*** | ***Môn học*** | ***Tên bài*** | ***Điều chỉnh*** |
| **Hai**  **23/12** | ***Sáng*** | 1 | Chào cờ | Rung chuông vàng |  |
| 2 | Toán1 | Hình chữ nhật |  |
| 3 | Tiếng việt 1 | Tiếng đàn.  Luyện tập về so sánh |  |
| 4 | Tiếng việt 2 |
| ***chiều*** | 1 | T việt Tăng 1 | Luyện tập về so sánh |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 | Toán Tăng 1 | Lt: Chu vi hình tam giác, hình tứ giác |  |
| **Ba**  **24/12** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng việt 5 | Ông lão nhân hậu  Câu cảm |  |
| 2 | Tiếng việt 6 |
| 3 | Toán 2 | Hình vuông |  |
| 4 | T việt tăng 2 | Luyện tập câu cảm |  |
| **Năm**  **26/12** | ***sáng*** | 1 | Tiếng việt 4 | KC : Đàn cá và bản nhạc |  |
| 2 | Toán 3 | Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông T1 |  |
| 3 | Toán 4 | Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông T2 |  |
| 4 | Toán tăng 2 | Hình chữ nhật. Hình vuông |  |
| **Sáu**  **27/12** | ***sáng*** | 1 | Đạo đức | Em giữ lời hứa T2 |  |
| 2 | Đạo đức | Em giữ lời hứa T3 |
| 3 | Toán 5 | Em ôn lại những gì đã học |  |
| 4 | Toán tăng 3 | Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông |  |
| ***Chiều*** | 1 | Tiếng việt 7 | Em yêu nghệ thuật |  |
| 2 | Tiếng việt tăng 4 | LT: Em yêu nghệ thuật |
| 3 | Sinh hoạt | SHCT: Đội nhi đồng tình nguyện |

***Duyệt, Ngày 20tháng 12năm 2024***

***PHT***

***Nguyễn Thị Hằng***

***TUẦN 16***

Thứ hai ngày 23 tháng 12 năm 2024

**Tiết 1: Chào cờ**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: THAM GIA KẾT NỐI VÒNG TAY YÊU THƯƠNG.**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS được tham gia trực tiếp vào hoạt động kết nối vòng tay yêu thương bằng các việc làm cụ thể.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  ***2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  ***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 16***  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 15.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 16.  - Tuyên dương gương “***Người tốt việc tốt”***  ***\* Kết quả cuộc thi vẽ tranh” Màu áo chú bộ đội”***  **Phương hướng tuần 16:**  + Tiếp tục duy trì sĩ số tốt.  + Duy trì tốt các nền nếp đội, quy định của Liên đội.  - Thực hiện tốt việc giữ gìn vệ sinh lớp học, sân trường.  - Hoàn thiện hồ sơ cho đội thi cờ Vua cấp thành phố gồm 10 em HS từ khối lớp 1,2,3,4,5.  - Nghiêm cấm HS mang đồ chơi, bánh, kẹo, đồ ăn vặt đến trường.  - Thực hiện nghiêm túc việc xếp hàng khi ra về ở tất cả các khối lớp.  - Tiếp tục rèn luyện, củng cố các bài múa hát sân trường, Thể dục giữa giờ.  - Tich cực học tập tốt, rèn luyện chăm. Giữ gìn vệ sinh, nền nếp thật tốt.  - Lớp 5C trực ban cầu thang tuần 16.  - Kiểm tra đột xuất việc thực hiện nền nếp tuần 16. | - HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ. |
| **III.TRẢI NGHIỆM** |  |
| \* GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động Kết nối vòng tay yêu thương. |  |
| - Tổ chức cho HS tập hợp những món quà như: sách vở, đồ dùng học tập, quần áo,,...để gửi tặng những bạn HS nghèo vượt khó và HS vùng khó khăn. | - HS chuẩn bị quà từ trước và mang về lớp tập hợp, phân loại. |
| - Với những món quà mà em đã chuẩn bị, em muốn nhắn gửi điều gì không đến những bạn nhỏ đang gặp khó khăn?  - GV nhận xét. | - HS nêu suy nghĩ của mình ( Chúc các bạn sớm vượt qua khó khăn và cố gắng học tập...) |
| \* Tham gia buổi giao lưu, tọa đàm về các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, giáo dục truyền thống quê hương. |  |
| - Có những hoạt động tình nguyện, nhân đạo nào của các tập thể, tổ chức, cá nhân ở địa phương mình?  - Trong những việc đó, mình biết làm/có thể làm việc nào?  - Mình có thời gian làm việc đó không?  - Mình có thể tự làm việc đó hay cần ai hỗ trợ? | - HS chia sẻ với các bạn trong nhóm  - HS chia sẻ kết quả trước lớp |
| - GV tổng kết: Cộng đồng xung quanh chúng ta có rất nhiều hoạt động tình nguyện, nhân đạo. Các em có thể tham gia các việc vừa sức, phù hợp với khả năng của mình. Ví dụ: Giúp đỡ việc nhà cho gia đình chính sách, neo đơn; dọn vệ sinh môi trường; quyên góp quần áo, sách vở cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn; hỏi thăm, động viên gia đình chính sách; biểu diễn văn nghệ cho các bạn mắc bệnh hiểm nghèo trong bệnh viện; mua tăm ủng hộ người nghèo… | - HS nghe GV nhận xét, tổng kết |
| - Qua bài học hôm nay, em đã biết thêm điều gì? | - HS chia sẻ thông tin học được trong bài học hôm nay. |
| - GV chốt nội dung bài học. | - HS lắng nghe |
| - GV nhận xét giờ học + Tuyên dương HS | - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 2 : Toán 1**

**Bài 51: HÌNH CHỮ NHẬT – Trang 107**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có được biểu tượng về hình dạng, đặc điểm, tên gọi của hình chữ nhật.

- Liên hệ với những tình huống trong thực tế cuộc sống có liên quan đến hình dạng, đặc điểm tên gọi của hình chữ nhật.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua việc quan sát, phân loại xác định đặc điểm của các HCN, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết hình chữ nhật*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 133– 135**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3 + 4 : Tiếng việt 1,2**

**BÀI ĐỌC 1 :TIẾNG ĐÀN . LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vấn,

thanh mà HS dễ viết sai: vi ô lông, nốt nhạc, hắt lên, ắc sê, nước mưa, tung

lưới, lướt nhanh, sẫm màu, vũng nước,...

+ Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu vàtheo nghĩa.

+ Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bải: lên dây, ác sê, dân chài  
+ Trả lời được các CH về nội dung bài.

+ Hiểuý nghĩa của bài: Bài đọc miêu tả vẻ đẹp của tiếng đản và cảm xúc của bạn nhỏ khichơi đàn.

+ Nhận biết và hoàn thành các hình ảnh so sánh (so sánh âm thanh với âm thanh)

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bảy tỏ sự yêu thích đối với các chi tiết hay trong câu chuyện.

+ Cảm nhận được giá trị văn học của các hình ảnh so sánh.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, yêu âm nhạc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài đọc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc và viết các chữ cái*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 212 – 213**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**Tiết 1: Tiếng việt tăng1**

**LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:

+ Củng cố về các sự vật được so sánh, các hình ảnh so sánh, từ so sánh và kiểu so sánh.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Cảm nhận được giá trị văn học của các hình ảnh so sánh.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì? | - HS nối tiếp đặt câu  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| GV chốt: |  |

**2. Luyện tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:**Trong đoạn thơ dưới đây tiếng mưa được so sánh với những gì? Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.  Đã có ai lắng nghe  Tiếng mưa trong rừng cọ  Như tiếng thác dội về  Như ào ào trận gió.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. tiếng thác dội | b. tiếng gió thổi | c. rừng cọ | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2  - GV nhận xét, đánh giá  - Đây là kiểu so sánh gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: a và b  - HS nêu |
| \* GV chốt: So sánh âm thanh với âm thanh. Tiếng mưa được so sánh với tiếng thác dội, tiếng gió thổi là cho chúng ta tưởng tượng ra đây là một trận mưa rất to. | - HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 2:** Viết tiếp để tạo câu có hình ảnh so sánh:  a.Tiếng sáo diều vi vu như .....  b.Tôi nằm trên bãi cỏ nghe tiếng gió thổi bên tai êm như ....  c.Trên những ngọn tre, tiếng chim hót ríu rít tựa như ...... | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - HS chữa bài  a.Tiếng sáo diều vi vu như *cung đàn ngân nga.*  b.Tôi nằm trên bãi cỏ nghe tiếng gió thổi bên tai êm như *tiếng nói thì thầm.*  c.Trên những ngọn tre, tiếng chim hót ríu rít tựa như *tiếng của những chiếc chuông gió va vào nhau, thật vui tai.* |
| \* GV chốt: Chốt: Hai âm thanh được so sánh với nhau phải là hai âm thanh có nét tương đối giống nhau, mục đích so sánh phải làm cho sự vật được đẹp thêm lên. | |
| **Bài 3:** Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ các âm thanh được so sánh với nhau:  a. Côn Sơn suối chảy rì rầm  Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.  - Tiếng suối chảy được so sánh với…………………..  b. Mỗi lúc, tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng.  - Tiếng chim kêu náo động được so sánh với……………………. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài  - HS chữa bài |
| \* GV chốt:  a. Tiếng suối chảy được so sánh với tiếng đàn cầm  b. Tiếng chim kêu náo động được so sánh với tiếng xóc những rổ tiền đồng. | |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4:** Đặt câu có hình ảnh so sánh âm thanh với âm thanh: | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu theo yêu cầu.  - Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì?  - Trong câu em vừa đặt thì âm thanh nào được so sánh với nhau, từ dùng để so sánh là từ nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  Tiếng đàn du dương như lời mẹ ru. Tiếng gió rì rào như tiếng mưa. Tiếng hát ngân vang như tiếng chim.  - HS nêu  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm.  Khi viết đoạn văn ta nên sử dụng các câu văn có hình ảnh so sánh để câu văn thêm sinh động, hấp dẫn hơn. | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3 : Toán tăng 1**

**LUYỆN TẬP: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập, củng cố cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

***-***  Tính được cạnh còn lại của hình tam giác, hình tứ giác khi biết chu vi và các cạnh kia.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết hình tam giác, hình tứ giác*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phiếu HT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Bông hoa may mắn”. HS sẽ tự lựa chọn bông hoa mình thích, trả lời câu hỏi trên mỗi bông hoa để củng cố về đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác và cách tính chu vi mỗi loại hình.  - Tổ chức nhận xét, tuyên dương.  - GV kết hợp giới thiệu bài  **2. Luyện tập**  *(GV phát phiếu HT)*  **Bài 1:**  a, Tính chu vi hình tam giác có các cạnh lần lượt là 23 cm, 34 cm và 45 cm.  b, Tính chu vi hình tứ giác có các cạnh lần lượt là 25 cm, 30 cm, 5 dm và 45 cm.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS nêu lại cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức chữa bài, nhận xét.  *Chốt: Chu vi hình tam giác bằng tổng độ dài 3 cạnh; chu vi hình tứ giác bằng tổng độ dài 4 cạnh.*  **Bài 2:** a, Tính chu vi hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau và bằng 23 cm.  b, Tính chu vi hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau và bằng 12 cm.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS nêu lại cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác trường hợp các cạnh bằng nhau?  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức chữa bài, nhận xét.  *Chốt: Cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác trong trường hợp các cạnh bằng nhau.*  **Bài 3:** Hinh tam giác có chu vi là 35 cm, biết độ dài 2 cạnh lần lượt là 12 cm và 9 cm. Tính độ dài cạnh còn lại.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu gì?  - Muốn tính độ dài cạnh còn lại em làm như thế nào?  - Cho HS làm bài vào PHT, chữa, nhận xét.  *Chốt: Muốn tính độ dài cạnh còn lại của tam giác ta lấy chu vi trừ đi số đo của 2 cạnh kia..*  **3. Vận dụng**  **Bài 4:** Hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau, chu vi là một số tròn chục mà chữ số hàng chục là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số. Tính độ dài cạnh của tứ giác.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cặp đôi để phân tích đề toán, tìm hướng giải bài toán và giải bài toán vào PHT.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  *Chốt: Muốn tính độ dài 1cạnh của tứ giác có các cạnh bằng nhau ta lấy chu vi chia cho 4.*  - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?  - Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà ôn lại những kiến thức về chu vi hình tam giác, hình tứ giác. | - HS hỏi đáp nhau trước lớp  - Lớp nhận xét  - HS nêu yc.  - HS nêu: Muốn tính chu vi hình tam giác ta lấy số đo 3 cạnh cộng lại. Muốn tính chu vi hình tứ giác ta lấy số đo 4 cạnh cộng lại.  - HS làm việc vào PHT, 2 HS lên bảng làm.  - Lớp thảo luận.  - HS nêu yc.  - Nhiều HS nêu: Chu vi hình tam giác bằng số đo 1 cạnh nhân 3. Chu vi hình tứ giác bằng số đo 1 cạnh nhân 4.  - HS làm việc theo cặp vào PHT.  - 2 HS lên bảng làm bài.  Bài giải  *a, Chu vi hình tam giác là:*  *23 x 3 = 69 (cm)*  *Đáp số: 69 cm*  *b, Chu vi hình tứ giác là:*  *12 x 4 = 48 (cm)*  *Đáp số: 48 cm*  - HS nêu yc.  - Bài toán cho biết: Hinh tam giác có chu vi là 35 cm, biết độ dài 2 cạnh lần lượt là 12 cm và 9 cm.  - Bài toán yêu cầu: tính độ dài cạnh còn lại.  - HS nêu theo ý tưởng của mình  - HS làm bài, 1 HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét  Bài giải  *Số đo cạnh còn lại là:*  *35 – 12 - 9 = 14 (cm)*  *Đáp số: 14 cm*  - HS nêu yc.  - Các cặp làm việc theo yêu cầu.  - 1 đại diện lên chữa bài, giải thích cách làm. Lớp thảo luận, nhận xét.  Bài giải  *Số tròn chục mà chữ số hàng chục là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là 80. Vậy chu vi hình tứ giác là 80.*  *Độ dài một cạnh của tứ giác là:*  *80 : 4 = 20 (cm)*  *Đáp số: 20 cm*  - HS nối tiếp nhau trả lời.  - HS theo dõi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 24 tháng 12 năm 2024**

**Tiết 1 + 2 : Tiếng Việt 5,6**

**BÀI ĐỌC 2 :ÔNG LÃO NHÂN HẬU. CÂU CẢM ( T 1 + 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ Đọc trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS dễ

viết sai: chẳng lẽ, chậm rãi, lắng nghe, nổi tiếng

+ Ngắt nghỉ hơi đúnggiữa các cụm từ, các câu.

+ Đọc các câu khiến, câu cảm với giọng phù hợp.

+ Hiểu nghĩa các từ ngữ trong câu chuyện.

+ Trả lời được các CH về nội dung câuchuyện.

+ Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Những lời động viên xuất phát từ lòng nhânhậu có tác dụng to lớn đối với người khác.

+ Nhận biết các câu cảm trong bài đọc; biết đặt câu cảm.

-Phát triển năng lực văn học: Biết bày tỏ sự cảm động, ngưỡng mộ với lòng nhân hậu của nhân vật. Bướcđầu nhận ra sự động viên của khán giả, thính giả, độc giả,... góp phần giúp nghệ sĩthành công.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thương và đồng cảm với người xung quanh.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài đọc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết và đọc tên các chữ cái*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Dạy theo SGV trang 218 – 220**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 2**

**Bài 52: HÌNHVUÔNG – Trang 109**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có được biểu tượng về hình dạng, đặc điểm, tên gọi của hình vuông

- Liên hệ với những tình huống trong thực tiễn cuộc sống có liên quan đến hình dạng, đặc điểm tên gọi của hình vuông.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua việc quan sát, phân loại xác định đặc điểm của các vuông, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, thông qua việc kẻ vẽ và cắt dán trên lưới ô vuông trên giấy thủ công.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết hình vuông*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 135 – 137**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4: Tiếng việt tăng 2**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU CẢM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

+ Củng cố về câu cảm, cách nhận biết câu cảm, cách đặt câu cảm.

+ Biết bày tỏ cảm xúc khi cần thiết.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc các chữ cái*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu cảm để bày tỏ niềm vui khi được mẹ tặng quà sinh nhật?  - Câu cảm có tác dụng gì?  - Cuối câu cảm dùng dấu gì? | - HS nối tiếp đặt câu  VD: A! Cái áo đẹp quá!  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói. Khi viết, cuối câu cảm có dấu chấm than.* | - HS lắng nghe |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:**Khoanh vào chữ cái trước câu cảm trong các câu dưới đây:  a. Chúng em đang đá bóng.  b. Đề nghị các bạn giữ trật tự!  c. Bạn có đi lao động không?  d. A, con mèo này khôn thật! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu cảm. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: khoanh vào d  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: *Câu a là câu kể một sự việc, câu b là câu khiến, câu c là câu hỏi, câu d là câu cảm.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 2:**Chuyển các câu sau thành câu cảm:  a. Con mèo này bắt chuột giỏi  b. Trời rét  c. Bạn Ngân chăm chỉ.  d. Bạn Giang học giỏi. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV nhận xét, tuyên dương  - Muốn chuyển câu kể thành câu cảm chúng ta cần làm gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - HS chữa bài  Đáp án:  a. Con mèo này bắt chuột giỏi quá!  b. Ôi, trời rét quá!  c. Bạn Ngân chăm chỉ quá!  d. Chà, bạn Giang học giỏi thật!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: Muốn chuyển câu kể thành câu cảm chúng ta cần thêm các từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật, … vào trong câu cho phù hợp. | |
| **Bài 3:**Những câu cảm sau đây bộc lộ cảm xúc gì?  a. Ôi, bạn Nam đến kìa!  b. Ồ, bạn Nam thông minh quá!  c. Trời thật là kinh khủng! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - GV nhận xét, tuyên dương  - Câu cảm có thể bộ lộ những cảm xúc gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - HS chữa bài  Đáp án:  a. Mừng rỡ, cảm động  b. Thán phục  c. Kinh khiếp, ghê sợ.  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: Câu cảm có thể bộc lộ cảm xúc vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên, …. | - HS nghe và ghi nhớ |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4**: Đặt câu cảm cho mỗi tình huống sau:  a. Em bé chạy nhảy, nô đùa trong thư viện gây ồn ào.  b. Em tìm được cuốn sách mình yêu thích trong thư viện.  c. Thư viện trường em mới được nhà xuất bản Kim Đồng tặng thêm 500 cuốn sách hay. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - Khi đặt câu khiến đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì?  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - HS chữa bài  VD:  a. Ôi! Em bé hiếu động quá!  b. A! cuốn sách mình cần đây rồi!  c. Ôi chao! Nhiều sách quá!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Khi đặt câu cảm đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm than***.** | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 26 tháng 12 năm 2024**

**Tiết 1 : Tiếng việt 4**

**KỂ CHUYỆN: ĐÀN CÁ HEO VÀ BÀN NHẠC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

-Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ Nghe có (thầy) kể chuyện, nhỏ nội dung của chuyện. Dựa vào tranh mình hy

và CH gợi ý, trả lời được các CH, kẻ lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyển,

biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể.

+ Hiểu nội dung câuchuyện: Âm nhạc có tác dụng kì diệu; chính âm nhạc đã cứu đoàn cá heo thoát khỏinguy hiểm.

+ Lắng nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

+ Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện

-Phát triển năng lực văn học: Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, kể được câu chuyện theo yêu cầu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Kể chuyện biết kết hợp cử chỉ hành động, diễn cảm,...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện của bạn và của mình.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có tình cảm yêu quý ,bảo vệ loài vật hoang dã.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ lắng nghe, kể chuyện theo yêu cầu.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc các chữ cái*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 215 – 218**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 2 : Toán 3**

**Bài 53: CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT – CHU VI HÌNHVUÔNG – Trang 111**

**(TIẾT 1 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh nhận biết được chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông.

- Thực hiện tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông theo quy tắc. Vận dụng để giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua việc tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết hình chữ nhật, hình vuông*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 137- 138**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 4**

**Bài 53: CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT – CHU VI HÌNHVUÔNG – Trang 111**

**(TIẾT 2 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông theo quy tắc. Vận dụng để giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua việc tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết hình chữ nhật, hình vuông*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 138 – 139**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4 : Toán tăng 2**

**Luyện tập: HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố đặc điểm, cách vẽ và cách đọc tên HCN và HV.

- Rèn kĩ năng nhận biết, vẽ và đọc tên HCN, HV.

**2. Năng lực chung:**

- HS có cơ hội phát triển NL mô hình toán học; NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học; NL giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

*HSKT: Biết hình chữ nhật, hình vuông*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** máy tính; PHT – khởi động, Bài 1; ê ke; thước kẻ có chia vạch.

**2. Học sinh:** ê ke, thước kẻ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| Trò chơi: “Tôi là ai?”   * GV chia lớp thành 6 nhóm rồi phát cho mỗi nhóm một PHT có một số hình học và yêu cầu : Hãy cho biết những hình sau thuộc loại hình học nào? * Tổ chức cho HS tham gia trò chơi trong vòng 2 phút. Nhóm nào đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng. * Chú ý: Sử dụng thước kẻ và ê ke để kiểm tra các hình. * Kiểm tra, nhận xét và công bố kết quả. | * HS thực hiện trò chơi theo nhóm. |

**2. Luyện tập:**

**Bài 1:** Có bao nhiêu hình chữ nhật trong hình sau:

|  |  |
| --- | --- |
| * Gọi HS nêu đề bài. * HCN có đặc điểm gì? * Để kiểm tra hình đó có phải HCN không, ta có thể sử dụng dụng cụ nào? * GV phát cho mỗi nhóm HS một PHT có hình trên để kiểm tra và xác định số HCN. * Y/c HS thực hành theo nhóm để xác định số HCN. * GV quan sát, hỗ trợ một số nhóm HS nếu cần. * Gọi một số đại diện HS nêu kết quả. * Nhận xét, đưa kết quả và tuyên dương HS. | * 1 HS đọc đề bài trước lớp. * HS nêu đặc điểm của HCN. * Sử dụng ê ke, thước kẻ. * HS nhận PHT rồi thực hiện làm việc theo nhóm để xác định và đếm số lượng HCN có trong bài. * Đại diện một số HS nêu kết quả trước lớp: *có tất cả 9 HCN.* * Nhận xét. |
| 🠢*GV chốt: Đặc điểm của HCN: 4 đỉnh đều là góc vuông; 4 cạnh: 2 cạnh dài bằng nhau (chiều dài), 2 cạnh ngắn bằng nhau (chiều rộng).* |  |

**Bài 2:** Hãy vẽ hình vuông sau rồi đặt tên cho hình vuông đó.

1. 3 cm b. 1 dm

|  |  |
| --- | --- |
| * Hình vuông có đặc điểm gì? * Để vẽ được HV thì cần những dụng cụ nào? * YCHS thực hành vẽ hình vuông. * GV quan sát, hỗ trợ HS. | * HS nêu đặc điểm của HV. * Cần sử dụng ê ke và thước kẻ. * HS trao đổi nhóm đôi cách vẽ hình vuông. * HS thực hành vẽ theo hướng dẫn của GV và đặt tên cho HV đó. |
| 🠢 *GV chốt KT*:  - *Đặc điểm của HV: 4 đỉnh đều là góc vuông; 4 cạnh bằng nhau.*  *- Cách vẽ hình vuông theo kích thước đã cho.* |  |

**Bài 3:** Vẽ hình chữ nhật MNPQ có chiều dài 1 dm, chiều rộng 3 cm.

|  |  |
| --- | --- |
| * Gọi HS nêu yêu cầu của bài toán. * Theo em, trước khi vẽ hình chữ nhật cần phải làm gì? * Nêu các bước vẽ hình chữ nhật. * Cho HS thực hành vẽ hình chữ nhật MNPQ theo yêu cầu của bài toán. * Hỗ trợ một số HS chậm. | * HS nêu yêu cầu của bài toán. * Cần phải đổi 1 dm = 10 cm. * HS nêu các bước vẽ HCN. * HS thực hiện vẽ hình chữ nhật MNPQ. |
| 🠢 *GV chốt KT*: *Cách vẽ HCN theo kích thước cho trước bằng thước kẻ, ê ke.* |  |

**3. Vận dụng:**

**Bài 4:** Em hãy vẽ một hình chữ nhật hoặc một hình vuông tùy thích rồi trang trí hình đó.

|  |  |
| --- | --- |
| * YCHS đọc đề bài. * Nêu đặc điểm của HCN, HV. * Dựa vào đặc điểm của các hình và sở thích của bản thân, em hãy lựa chọn rồi vẽ và trang trí một hình vuông hoặc một hình chữ nhật theo ý thích của mình. * Quan sát, hỗ trợ HS. * Nhận xét, đánh giá. | * 1 HS đọc đề bài trước lớp. * 2 HS nêu đặc điểm của HCN, đặc điểm của HV. * HS lựa chọn và thực hành vẽ, trang trí hình. |
| 🠢 *GV chốt KT: Củng cố cách vẽ HCN, HV.* |  |
| - Nêu đặc điểm của HCN, HV.  - GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 27 tháng 12 năm 2024**

**Tiết 1 +2 : Đạo đức**

**Bài 5: EM GIỮ LỜI HỨA (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Nêu được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa.

- Biết vì sao phải giữ lời hứa.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học. Biết thu thập thông tin từ tình huống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, trao đổi, trình bày trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết nói lời hứa*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 65- 66**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Bài 5: EM GIỮ LỜI HỨA (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể.

- Vận dụng và thực hiện giữ lời hứa bằng những việc làm cụ thể trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học. Biết thu thập thông tin từ tình huống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, trao đổi, trình bày trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Biết nói lời hứa*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 67- 68**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 2: Toán 5**

**Bài 54: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC – Trang 113**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện thành thạo nhân, chia với số có một chữ số ( ngoài bảng). Tính giá trị của các biểu thức số.

- Củng cố kiến thức, kĩ năng đo lường thông qua các bài tập:

+ Thực hành đo và tính toán với đơn vị đo dung tích là ml

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động thực hành nhân, chia, tính giá trị của các biểu thức số: thực hành kĩ năng nhận dạng, đo và tính toán về đo lường HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: nhận biết hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 140 – 141**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4 : Toán tăng 3**

**Luyện tập: CHU VI HÌNH VUÔNG. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách tính chu vi HCN, chu vi HV.

- Rèn kĩ năng tính chu vi HCN, chu vi HV, kĩ năng giải toán.

**2. Năng lực chung:**

- Tạo điều kiện cho HS phát triển NLtư duy và lập luận toán học; NL giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất trung thực chăm chỉ, trách nhiệm.

*HSKT: nhận biết hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** máy tính.

**2. Học sinh:**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

1. **Khởi động:** HS thực hiện hỏi đáp theo cặp:

|  |  |
| --- | --- |
| * Nêu cách tính chu vi hình chữ nhật . * Nêu cách tính chu vi hình vuông. | * Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2. * Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4. |

**2. Luyện tập:**

**Bài 1:**Tính chu vi hình vuông có cạnh dài:

1. 10 cm b. 24 dm

|  |  |
| --- | --- |
| * HDHS đọc đề bài và phân tích đề bài toán. * Nêu cách tính chu vi HV. * YCHS tính nhanh chu vi của 2 HV rồi nêu kết quả. * GV đưa ra đáp án đúng. * YCHS thực hiện trình bày bài. * Nhận xét. | * HS đọc đề và phân tích đề bài: * Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4. * HS thực hiện tính nhanh và nêu kết quả: * HS tự kiểm tra đáp án của mình và của bạn bên cạnh. * HS thực hiện trình bày bài.   *Bài giải*   1. *Chu vi của hình vuông đó là:*   *100 × 4 = 400 (cm)*  *Đáp số: 400 cm.*   1. *Chu vi của hình vuông đó là:*   *24 × 2 = 48 (dm)*  *Đáp số: 48 dm.* |
| *-> GV chốt KT*: *Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.*  ***P = a × 4*** | * HS ghi nhớ. |

**Bài 2:**Tính chu vi của hình chữ nhật biết chiều dài và chiều rộng lần lượt là: 35cm và 28cm.

|  |  |
| --- | --- |
| * Gọi HS đọc đề bài. * Bài toán yêu cầu làm gì? Bài toán cho biết gì? * YCHS trình bày bài vào vở rồi kiểm tra chéo. * Nhận xét. * Muốn tính chu vi HCN ta làm như thế nào? | * 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS khác chú ý theo dõi. * Bài toán yêu cầu tính chu vi HCN và cho biết chiều dài, chiều rộng của HCN đó. * HS thực hiện trình bày bài:   *Bài giải*  *Chu vi hình chữ nhật đó là:*  *(35 + 28) × 2 = 126 (cm)*  *Đáp số 126 cm.*   * HS trao đổi chéo để so sánh kết quả. * Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2. |
| *-> GV chốt KT*: *Củng cố cách tính chu vi HCN.*  ***CT: P = (a + b) × 2 (a;b cùng đơn vị đo)*** | * HS ghi nhớ. |

**Bài 3**: Tính chu vi của hình chữ nhật có kích thước như hình:

*4 m*

A B

1*8 dm*

C D

|  |  |
| --- | --- |
| * Gọi HS đọc đề bài. * YCHS tự trình bày bài giải rồi kiểm tra chéo theo kĩ thuật vòng bi trong nhóm 4. * Nhận xét, chiếu bài giải. | * HS đọc đề bài trước lớp.   *Bài giải*  *Đổi: 4 m = 40 dm*  *Chu vi của hình chữ nhật đó là:*  *(40 + 18) × 2 = 116 (dm)*  *Đáp số: 116 dm.*   * HS quan sát và so sánh, kiểm tra. |
| *-> GV chốt KT*:  *Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật.*  *Chú ý: Nếu chiều dài và chiều rộng của HCN phải cùng đơn vị đo.* | * HS ghi nhớ. |

**3.Vận dụng:**

**Bài 4:**Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 55dm, chiều dài hơn chiều rộng 2m. Hỏi chu vi thửa ruộng đó là bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| * Gọi HS đọc đề và phân tích đề bài. * GV cho HS quan sát phần tóm tắt bài toán:   *\*Tóm tắt: 55 dm*  *Chiều rộng: 2m*  *Chiều dài:*   * Để tính được chu vi HCN ta cần phải biết gì? * Gọi 1 HS lên bảng làm bài, HS khác trình bày bài vào vở. * Nhận xét, chiếu bài giải. | * HS đọc đề bài và phân tích bài toán: bài toán cho biết: thửa rộng hình chữ nhật có chiều rộng 15dm, chiều dài hơn chiều rộng 2m. Bài toán hỏi chu vi thửa ruộng đó là bao nhiêu? * HS quan sát phần tóm tắt bài toán. * Để tính được chu vi HCN ta cần phải biết chiều dài và chiều rộng của HCN đó. * HS thỏa luận nhóm và rút ra bài toán giả bằng 2 bước tính.   *Bài giải*  *Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:*  *15 + 20 = 35 (dm)*  *Chu vi của thửa ruộng đó là:*  *(35 + 15) × 2 = 100 (dm)*  *Đáp số: 100 dm.*   * HS quan sát và so sánh, kiểm tra. |
| *-> GV chốt KT*:  *- Cách giải bài toán có 2 bước tính.*  *- Cách tính chu vi HCN:*  ***P = (a + b) × 2 (a;b cùng đơn vị đo)*** |  |

- Tiết học hôm nay chúng ta được củng cố những gì?

- Nhận xét tiết học. Dặn dò HS ôn tập về chu vi HCN, chu vi HV.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4: Tiếng việt 7**

**BÀI VIẾT 2 :EM YÊU NGHỆ THUẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ Viết được đoạn văn 6 – 8 câu về 1 trong 2 đề đã cho trong BT. Đoạn không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; biết sử dụng dấu câu thích hợp.

-Phát triển năng lực văn học: Biết sử dụng các từ ngữ liên quan đến chủ điểm Sáng tạo nghệ thuật.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết lựa chọn đề tài để viết và có ý tưởng riêng về đề tàiđó.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: yêu thích nghệ thuật, cảm nhận được giá trị và tác dụng của nghệthuật, biết trân trọng những người làm nghệ thuật

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với các bạn trong nhóm về đề tài địnhviết

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thương và đồng cảm với người xung quanh.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài đọc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nói được tên 1-2 dụng cụ nghệ thuật*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Dạy theo SGV trang 220– 222**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 1 : Tiếng Việt tăng 3**

**Luyện tập: EM YÊU NGHỆ THUẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*1.1. Năng lực ngôn ngữ:*

+ Viết được đoạn văn 6 – 8 câu kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem.

+ Đoạn không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; biết sử dụng dấu câu thích hợp.

*1.2. Năng lực văn học:*

- Biết sử dụng các từ ngữ liên quan đến chủ điểm Sáng tạo nghệ thuật.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết lựa chọn đề tài để viết và có ý tưởng riêng về đề tàiđó.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: yêu thích nghệ thuật, cảm nhận được giá trị và tác dụng của nghệthuật, biết trân trọng những người làm nghệ thuật

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với các bạn trong nhóm về đề tài địnhviết.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nói được tên 1-2 dụng cụ nghệ thuật*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Nêu các bước viết đoạn văn theo quy tắc bàn tay? | - HS nêu, HS khác nhận xét |
| GV chốt: | |

**2. Luyện tập**

**Đề bài: Viết đoạn văn kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem.**

|  |  |
| --- | --- |
| 2.1. Tìm hiểu đề  - Đề yêu cầu gì? | - HS nêu: Viết đoạn văn kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem. |
| - Em viết về gì? | - HS nêu: Em viết về một buổi xem phim hoạt hình Tom và Jerry |
| - Em xem ở đâu? | - HS nêu:  + xem ở rạp  + xem trên ti vi,… |
| - Bộ phim đó có những nhân vật nào? | - HS nêu |
| - Nội dung phim như thế nào? | - HS nêu |
| - Điều gì trong bộ phim đó làm em nhớ nhất? | - HS nêu |
| 2.2. Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài. | - HS viết bài vào vở ô li. |
| 2.3. Đọc đoạn văn trước lớp  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày) | - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá. |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| -GV đọc bài của học sinh viết có sáng tạo, có câu văn hay để HS khác học tập.  - Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, không ồn ào nơi công cộng,...  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

***Đoạn văn tham khảo***

Cuối tuần em được theo chị đi vào rạp chiếu phim ở Hải Dương. Rạp nằm ở tầng bốn của một ngôi nhà khang trang. Trong rạp rất tối, chỉ có ánh sáng của màn chiếu khổng lồ. Đầu tiên, con sư tử và tiếng gầm quen thuộc xuất hiện đầy hứng thú. Mèo Tom bao giờ cũng vậy luôn là kẻ bắt nạt Jerry. Jerry thì rất nhanh nhẹn và thông minh, lúc thì lừa Tom đâm vào gốc cây, lúc lại dụ Tom ngã xuống nước. Có lúc, Jerry còn tìm cách làm hỏng đồ đạc để bà chủ la mắng Tom. Cứ thế, cuộc rượt đuổi bất tận giữa Tom và Jerry làm cả rạp cười nghiêng ngả. Em rất thích Jerry vì chú thông minh, nhanh trí.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết4 : Sinh hoạt**

**Sinh hoạt cuối tuần: ĐỘI NHI ĐỒNG TÌNH NGUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia các hoạt động tình nguyện để góp phần xây dựng trường lớp của mình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự tìm hiểu kế hoạch hoạt động của Đội nhi đồng tình nguyện.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu thập thông tin để giải quyết vến đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc sách và có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân, tham gia thảo luận nhóm một cách nghiêm túc và có trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Xây dựng kĩ năng quan sát để nhận ra đặc điểm khác biệt trong ngoại hình, trang phục của mọi người xung quanh.  - Cách tiến hành: | |
| - GV mở bài hát “Trường học thân thiện” để khởi động bài học.  + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - HS trả lời về nội dung bài hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:*  **-** Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới..  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)**  - Đi học đúng giờ, duy trì sĩ số.  - Thực hiện tốt các nền nếp, các quy định của trường và Đội đề ra.  - Tổng kết cuộc thi viết **‘ Em yêu biển đảo quê em**” và vẽ tranh “ **Màu áo chú bộ đội”**  - Tổng kết phong trào thi đua trong Liên đội.  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.**  **-** Mục tiêu: Học sinh ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia các hoạt động tình nguyện để góp phần xây dựng trường lớp của mình.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 3. Đội Nhi đồng tình nguyện**  - GV tổ chức cho HS:  + Thảo luận lựa chọn những bạn tiêu biểu tham gia Đội Nhi đồng tình nguyện của lớp để triển khai và tổ chức các hoạt động tình nguyện cho các bạn trong lớp.  + Thảo luận xây dựng kế hoạch hoạt động của Đội Nhi đồng tình nguyện.  - GV mời 1 số bạn trong Đội tình nguyện chia sẻ cảm xúc và thể hiện sự quyết tâm trong việc dẫn dắt hoạt động tình nguyện của lớp trong thời gian tới. | - HS tự ứng xử, đề cử bạn tham  gia Đội Nhi đồng tình nguyện  của lớp.  - HS thảo luận, trao đổi trước lớp.  - HS chia sẻ cảm xúc, thể hiện sự quyết tâm trong việc dẫn dắt hoạt động tình nguyện của lớp trong thời gian tới. . |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ để Những người sống quanh em  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh hoàn thành Phiếu tự đánh giá sau chủ đề trong Vở thực hành HĐTN3.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

*Bến Tắm*,*ngày20 tháng 12 năm 2024*

*PHT*